

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 09-9-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLST - HNGĐ ngày 11/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018, tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc

sống của ai. Chị Quàng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Quàng Văn N.

Về con chung: Chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N có 02 (hai) con chung: Cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 và cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020.

Chị Quàng Thị T có nơi cư trú ổn định. Chị Thủy làm trồng trọt, chăn nuôi, bán hàng thêm, có thu nhập. Chị Thủy có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Chị Quàng Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Quàng Quang V và giao cháu Quàng Văn D cho anh Quàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quàng Thị T không yêu cầu anh Quàng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quàng Quang V.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị T cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Quàng Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Quàng Văn N và chị Quàng Thị T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018, tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Quàng Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Quàng Văn N nhất trí ly hôn chị Quàng Thị T.

Về con chung: Anh Quàng Văn N và chị Quàng Thị T có 02 (hai) con chung: Cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 và cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020.

Anh Ngoan làm trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê, anh đảm bảo đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Anh Ngoan đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 và cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quàng Văn N không yêu cầu chị Quàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Quàng Văn N cam đoan không có nợ chung.

Ngoài những tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã giao nộp. Chị Thủy, anh Ngoan không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 10/7/2024: Tại bản Lết Trạng, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Quàng Thị T, anh Quàng Văn N có nơi cư trú ổn định. Chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện tại chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N đã sống ly thân. Chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N có 02 (hai) con chung: Cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 và cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Quàng Văn D có nguyện vọng là ở với bố.

Chị Quàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Thủy giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Quàng Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Ngoan giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn anh Quàng Văn N.

Về con chung: Giao cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020 cho chị Quàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 cho anh Quàng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quàng Thị T, anh Quàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị T, anh Quàng Văn N cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn N có địa chỉ tại bản L, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Quàng Thị T, bị đơn anh Quàng Văn N: Nguyên đơn chị Quàng Thị T, bị đơn anh Quàng Văn N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018, tại Ủy ban nhân dân xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống hòa thuận với nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N đã sống ly thân, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Thủy cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Quàng Văn N. Anh Quàng Văn N nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thủy và anh Ngoan lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn anh Quàng Văn N. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị T và anh Quàng Văn N có 02 (hai) con chung: Cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 và cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020.

Chị Quàng Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Quàng Quang V, sinh ngày 09/6/2020 và giao cháu Quàng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 cho anh Quàng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Quảng Văn N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Quảng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 và cháu Quảng Quang V, sinh ngày 09/6/2020.

Chị Quảng Thị T, anh Quảng Văn N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Thủy, anh Ngoan có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập. Chị Thủy, anh Ngoan có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến cháu Quảng Văn D có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, sự phát triển về thể chất, giao cháu Quảng Quang V, sinh ngày 09/6/2020 cho chị Quảng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Quảng Văn D, sinh ngày 07/6/2016 cho anh Quảng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quảng Thị T, anh Quảng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng:* Không có.

[6] *Về nợ chung:* Chị Quảng Thị T, anh Quảng Văn N cam đoan không có nợ chung.

[7] *Về án phí:* Chị Quảng Thị T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Quảng Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quảng Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quảng Thị T được ly hôn anh Quảng Văn N.
2. Về con chung: Giao cháu Quảng Quang V, sinh ngày 09/6/2020 cho chị Quảng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Quảng

Văn D, sinh ngày 07/6/2016 cho anh Quàng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quàng Thị T, anh Quàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng vợ chồng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Quàng Thị T, anh Quàng Văn N cam đoan không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị T. Hoàn trả lại chị Quàng Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001815, ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị T, anh Quàng Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng

